

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhung
2. Bà Doãn Thị Vệ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên **Trần Thùy D**, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1988 tại phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ); nơi cư trú: Tổ dân phố số A, phường P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1967, con bà Đào Thị Kim N, sinh năm 1965; chồng: Lưu Văn Hoàng T, sinh năm 1984 (đã ly hôn), con: 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Mai Lan V, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ C, phường P, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ F, phường P, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Đào Thị Kim N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thùy D làm nghề kinh doanh tự do tại nhà ở của mình. Ngoài việc kinh doanh, từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2024 D còn có hành vi cho vay nặng lãi để thu lợi bất chính, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%, (đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), thỏa thuận cụ thể D cho vay và thu lãi ngày từ 3000đ/1 triệu/1 ngày đến 5000đ/1 triệu/1 ngày, khi vay tiền người vay phải viết giấy vay tiền rồi chụp ảnh người vay tiền cùng giấy vay tiền + căn cước rồi gửi ảnh qua Zalo cho D, sau đó đem giấy vay tiền cùng căn cước đến nhà đưa cho D. Người vay trả tiền vay theo tháng (30 ngày), tiền lãi cho D bằng hình thức chuyển khoản đến các số tài khoản số 9990181099999 của D mở tại Ngân hàng Q; các tài khoản lần lượt là số 6374786888, 881088 và 19033723279018 mở tại Ngân hàng T1 và tài khoản số 88881810888 mở tại Ngân hàng V1. D sử dụng các tài khoản này để giao dịch chuyển tiền cho vay và nhận tiền lãi của từng khoản vay, kết quả điều tra xác định được như sau:

1. Đối với chị Mai Lan V: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8/2023 đến ngày 13/7/2024, Trần Thùy D đã cho chị Mai Lan V vay nặng lãi với 02 khoản vay, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/8/2023, do cần tiền để kinh doanh nên chị Mai Lan V liên lạc với Trần Thùy D để hỏi vay số tiền 100.000.000đ thì D đồng ý và tính lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày (*tương ứng 109,5%/năm*), D yêu cầu V chụp gửi ảnh căn cước công dân và ảnh chị V cầm giấy vay tiền. Nhận được ảnh V chụp, D yêu cầu V mang giấy vay tiền và căn cước công dân đến nhà D tại tổ A, H, P, Vĩnh Phúc (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) gửi cho bà Đào Thị Kim N sinh năm 1965 (mẹ D) cầm hộ. Sau đó, D sử dụng tài khoản số 19033723279018 mở tại Ngân hàng T1 của D chuyển khoản số tiền 100.000.000đ đến tài khoản số 19035187951010 mở tại Ngân hàng T1 của chị V.

Đến ngày 12/9/2023, chị V nhắn tin cho D thông báo về việc trả tiền vay và trả tiền lãi, D kiểm tra lại và nhắn số ngày vay tính lãi là 14 ngày bằng số tiền lãi là 4.200.000đ nên tổng tiền phải trả cả gốc và lãi là 104.200.000đ. Cùng ngày chị V sử dụng tài khoản số 199857888888 mở tại Ngân hàng V2 của mình chuyển khoản đến tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D số tiền 104.200.000đ, gồm 100.000.000đ là tiền gốc đã vay và 4.200.000đ tiền lãi của 14 ngày (từ 30/8/2023 đến 12/9/2023). Sau đó, D giao lại căn cước công dân, giấy vay tiền cho V quản lý.

Số tiền lãi được thu tối đa là $100.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 767.123đ$.

$$\text{Số tiền lãi thu lời bất chính} = 4.200.000 \text{ đ} - 767.123 \text{ đ} = \mathbf{3.432.877 \text{ đ}}$$

Lần 2: Ngày 05/10/2023, chị V tiếp tục hỏi D vay số tiền 50.000.000đ để kinh doanh, D đồng ý và vẫn yêu cầu tính tiền lãi vay là 3.000đ/01 triệu/01 ngày (tương ứng 109,5%/năm). Sau đó chị V đã viết giấy vay tiền rồi chụp ảnh gửi tin nhắn qua Zalo cho D và đem giấy vay tiền đưa cho D. Đến ngày 06/10/2023, D sử dụng tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 chuyển khoản số tiền 50.000.000đ đến tài khoản số 19035187951010 mở tại Ngân hàng T1 của chị V.

Chị V đã trả tiền lãi cho D từ ngày 06/10/2023 đến hết ngày 13/7/2024 với số tiền lãi là: 38.800.000đ thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 19035187951010 mở tại Ngân hàng T1 của V, cụ thể:

+ Ngày 06/11/2023, chị V chuyển khoản số tiền 4.650.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 06/12/2023, chị V chuyển khoản số tiền 2.000.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 08/12/2023, chị V chuyển khoản số tiền 2.650.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 07/01/2024, chị V chuyển khoản số tiền 4.500.00đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 09/02/2024, chị V chuyển khoản số tiền 4.000.000đ đến số tài khoản số 9990181099999 mở tại Ngân hàng Q của D.

+ Ngày 09/3/2024, chị V chuyển khoản số tiền 5.000.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 10/4/2024, chị V chuyển khoản số tiền 4.500.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 13/5/2024, chị V chuyển khoản số tiền 4.500.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 10/6/2024, chị V chuyển khoản số tiền 4.000.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D.

+ Ngày 13/7/2024, chị V chuyển khoản số tiền 3.000.000đ đến số tài khoản số 6374786888 mở tại Ngân hàng T1 của D, trong đó 500.000đ là tiền lãi còn nợ tháng 6/2024 số tiền 2.500.000đ là tiền lãi tháng 7/2024, V còn nợ lại tiền lãi tháng 7/2024 là 2.000.000đ.

Từ ngày 13/7/2024, do làm ăn khó khăn nên chị V đã chủ động nhắn tin cho D thỏa thuận trả tiền gốc vay dần, không tính tiền lãi vay cũng như số tiền lãi thì D đồng ý. Sau đó, V đã chuyển khoản trả cho D số tiền gốc 50.000.000đ.

Đối với số tiền 50.000.000đ D cho V vay thì tổng số tiền lãi đã trả và phải trả là (từ 06/10/2023 đến 13/7/2024 = 09 tháng 9 ngày = 279 ngày) = **41.850.000đ**. Trong đó V đã trả lãi cho D số tiền 38.800.000đ tương ứng 258

ngày (đã làm tròn số), V chưa trả lãi cho D số tiền 3.050.000đ tương ứng 21 ngày.

Số tiền lãi được thu tối đa = $50.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 279 \text{ ngày} = 7.643.835đ$. Trong đó, số tiền V đã trả là 7.068.493đ, **số tiền V chưa trả là 575.342đ**.

Số tiền lãi thu lời bất chính = $41.850.000đ - 7.643.835đ = 34.206.165đ$. Trong đó, số tiền V đã trả là 31.731.507đ, số tiền V chưa trả là 2.474.658đ.

Như vậy, tổng số tiền gốc 02 lần chị V vay của D là $100.000.000đ + 50.000.000đ = 150.000.000đ$.

Số tiền lãi được thu tối đa = $767.123đ + 7.643.835đ = \mathbf{8.410.958đ}$, trong đó, số tiền V đã trả là **7.835.616đ**, số tiền V chưa trả là **575.342đ**.

Số tiền tiền lãi thu lời bất chính = $3.432.877đ + 34.206.165đ = 37.639.042đ$, (trong đó số tiền Vy đã trả là 35.164.384đ, số tiền Vy chưa trả là 2.474.658đ).

2. Đối với chị Nguyễn Thị H1: Do có quen biết từ trước, Trần Thùy D cho chị Nguyễn Thị H1 vay tiền với lãi suất khác nhau trong đó có khoản vay D tính lãi ngày, lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 185,2%/năm), khi vay tiền chị H1 phải viết giấy vay tiền và để lại hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị H1 cho D, các lần D cho chị H1 vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 03/12/2022, chị H1 đến nhà D tại tổ A, H, P, Vĩnh Phúc (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) hỏi vay số tiền 35.000.000đ thì D đồng ý, thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày, Sau khi chị H1 viết giấy vay tiền, để lại 01 hộ chiếu mang tên chị H1. D sử dụng tài khoản số 9990181099999 mở tại Ngân hàng Q của D chuyển khoản số tiền 35.000.000đ đến tài khoản số 100868719095 mở tại Ngân hàng V2 của chị H1.

Ngày 07/12/2022, chị H1 tiếp tục vay của D 10.000.000đ với lãi xuất 5.000đ/01 triệu/01 ngày, lần này D chỉ yêu cầu chị H1 viết giấy vay tiền với số tiền và không phải để lại giấy tờ gì do chị H1 đã để lại hộ chiếu trong lần vay trước. Sau đó, D sử dụng tài khoản số 9990181099999 mở tại Ngân hàng Q của D chuyển khoản số tiền 10.000.000đ đến tài khoản số 100868719095 mở tại Ngân hàng V2 của chị H1.

Do thời gian vay của hai khoản vay trên chỉ cách nhau 04 ngày (03/12/2022 đến 06/12/2022) nên H1 và D thống nhất không tính lãi 04 ngày của khoản vay 35.000.000đ mà tính gộp lại với khoản vay 10.000.000đ và bắt đầu tính **lãi suất từ ngày 07/12/2022 đối với hai khoản vay trên với tổng số tiền vay là: 45.000.000đ tiền gốc**, lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/ năm, tương ứng 01 tháng (tức 30 ngày) chị H1 phải trả tiền lãi cho D là 6.750.000đ.

Sau khi vay tiền, chị H1 sử dụng tài khoản số 100868719095 mở tại Ngân hàng V2 của chị H1 chuyển khoản trả lãi cho D tổng số tiền 13.500.000đ tương ứng 60 ngày đến tài khoản số 9990181099999 mở tại Ngân hàng Q của D, cụ thể:

+ Ngày 11/01/2023, chị H1 chuyển khoản số tiền 2.000.000đ đến số tài khoản trên của D.

+ Ngày 20/01/2023, chị H1 chuyển khoản số tiền 4.750.000đ đến số tài khoản trên của D.

+ Ngày 08/02/2023, chị H1 chuyển khoản số tiền 6.750.000đ đến số tài khoản trên của D.

Đối với khoản vay 45.000.000 đ D cho H1 vay thì tổng số tiền lãi H1 phải trả là $(07/12/2022 - 08/02/2023 = 60 \text{ ngày}) = 13.500.000\text{đ}$.

Số tiền lãi được thu tối đa là $45.000.000\text{đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 1.479.452\text{đ}$.

Số tiền lãi thu lời bất chính = $13.500.000\text{đ} - 1.479.452\text{đ} = 12.020.548\text{đ}$.

Đến ngày 17/02/2023 H1 với D thỏa thuận lại số lãi suất của khoản vay 45.000.000đ là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến nay, chị H1 chưa trả tiền gốc vay.

Như vậy, Số tiền lãi H1 phải trả cho D từ ngày 09/02/2023 đến ngày 16/02/2023 = 07 ngày = 1.575.000đ.

Số tiền lãi tối đa = 172.603đ; Số tiền lãi thu lợi bất chính = $1.575.000\text{đ} - 172.603\text{đ} = 1.402.397\text{đ}$.

*Như vậy, tổng số tiền gốc D cho V và H1 vay là 195.000.000đ.

Số tiền lãi được thu tối đa = $8.410.958\text{đ} + 1.479.452\text{đ} + 172.603\text{đ} = 10.063.013\text{đ}$

Số tiền lãi thu lời bất chính = $37.639.042\text{đ} + 12.020.548\text{đ} + 1.402.397\text{đ} = 51.061.987\text{đ}$.

* Ngoài ra Trần Thùy D cho chị H1 vay tiền với lãi suất thấp 2000đ/1 triệu/1 ngày, dưới 100%/1 năm, nên không xác định đây là hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, hành vi không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 BLHS. Cụ thể:

Ngày 17/01/2023, D tiếp tục cho chị H1 vay số tiền là 100.000.000đ với lãi suất 2.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất là 73%), nhưng hàng tháng chị H1 phải trả cho D 12.000.000đ, gồm 6.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ tiền lãi. Tiền lãi sẽ được trừ dần theo tiền gốc hiện còn. Sau đó, D sử dụng tài khoản số 88881810888 mở tại Ngân hàng V1 của mình chuyển khoản số tiền 100.000.000đ đến tài khoản số 100868719095 mở tại Ngân hàng V2 của H1.

Đến ngày 23/02/2023, chị H1 chuyển khoản số tiền 12.000.000đ đến tài khoản số 9990181099999 mở tại Ngân hàng Q của D để trả 6.000.000đ tiền lãi và 6.000.000đ tiền gốc. Sau khi trả số tiền 6.000.000đ tiền gốc, D và chị H1 xác định

lại số tiền gốc của khoản vay 100.000.000đ mà chị H1 vay của D ngày 17/01/2023 còn lại là: 94.000.000đ.

Đến 27/02/2023, chị H1 xin giảm lãi suất của khoản vay 45.000.000đ xuống còn 2.000đ/01 triệu/01 ngày nên chị H1 và D thống nhất tổng số tiền chị H1 vay của D của 03 lần vay trên Tổng số tiền vay là 139.000.000đ lãi suất đối với khoản vay này là 2.000đ/01 triệu/01 ngày tương ứng mỗi tháng (tức 30 ngày) chị H1 phải trả cho D số tiền 8.340.000đ tiền lãi và hàng tháng chị H1 có thể trả tiền gốc đối với khoản vay trên và bắt đầu tính tiền lãi của khoản vay từ ngày 17/02/2023.

Như vậy, đối với tổng số tiền vay 145.000.000đ, từ ngày 17/02/2023 đến ngày 15/7/2023 chị H1 đã trả cho D tổng số tiền lãi là: 45.553.000đ, và tính đến ngày 27/11/2023 chị H1 đã trả cho D tổng tiền gốc là 50.697.000đ, còn nợ lại số tiền gốc là: 94.303.000đ.

Ngày 09, 10/5/2023, D cho H1 vay thêm tổng số tiền 122.000.000đ không tính tiền lãi (H1 đã trả D 82.000.000 đồng còn nợ lại 40.000.000đ).

Như vậy tổng số tiền H1 còn nợ D là 134.303.000đ (trong đó: 40.000.000đ là tiền vay không lãi; 45.000.000đ là tiền gốc của khoản vay lãi suất 5.000đ/01 ngày/01 triệu và 49.303.000đ là tiền gốc của khoản vay 2000đ/01 triệu/01 ngày).

Cáo trạng số: 26/CT-VKSKV8 ngày 05 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Thùy D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thùy D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thùy D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo D có thu nhập không ổn định nên đề nghị không khấu trừ thu nhập của bị cáo D trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 xử phạt bị cáo D từ 40 triệu đến 50 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Đồng thời đề xuất về xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Thùy D thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Mai Lan V vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra xác nhận về việc vay tiền với lãi suất

cao như bị cáo D trình bày là đúng, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/9/2025 chị yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả cho chị số tiền 35.164.384 đồng tiền lãi thu không đúng theo quy định của pháp luật mà chị đã trả cho D và truy thu đúng theo luật của nhà nước ban hành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra xác nhận về việc vay tiền với lãi suất cao như bị cáo D trình bày là đúng, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/9/2025 chị đề nghị sử dụng số tiền 45.172.603đ truy thu và số tiền 12.020.548đ lãi vượt quy định mà bị cáo D đã thu của chị để sử dụng vào việc thanh toán số tiền chị còn nợ lại của D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Kim N có mặt tại phiên tòa xác nhận bà có cầm hộ D giấy vay tiền và căn cước của chị Mai Lan V, nhưng bà không biết, không tham gia và được hưởng lợi gì từ việc cho vay lãi nặng của D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Thùy D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8. Bị cáo D khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 7 năm 2024, tại nhà của Trần Thùy D ở TDP số A- phường H- thành phố P- tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường P- tỉnh Phú Thọ). D có hành vi cho 02 người vay lãi nặng trái với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền gốc là: 195.000.000đ, thu lời bất chính số tiền **51.061.987đ**.

Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận Trần Thùy D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính từ

30.000.000đồng đến dưới 100.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”...

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của nhà nước, làm lũng loạn chính sách tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Khi chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo D có nghề nghiệp, có thu nhập nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan:

Đối với 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H1 ghi ngày 03/12/2022 và ngày 07/12/2023. Xác định có liên quan đến hành vi cho vay vãng lai của Trần Thùy D cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H1 ghi ngày 17/01/2023; 01 giấy vay tiền ghi ngày 10/5/2023 (bản gốc) không liên quan đến hành vi cho vay vãng lai của Trần Thùy D cần trả lại cho bị cáo D.

Đối với 01 hộ chiếu + 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H1, không liên quan đến hành vi cho vay vãng lai của Trần Thùy D, quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu giữ nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, D có sử dụng đăng nhập vào tài khoản ngân hàng để chuyển tiền cho chị V và chị H1 vay lãi nặng và để nhận tiền trả lãi của chị V + H1, quá trình điều tra D khai nhận đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với khoản tiền D cho vay (tiền gốc) được xác định là phương tiện phạm tội, nên cần bị truy thu để sung quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi

tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước khoản tiền này. Vì vậy cần truy thu của Trần Thùy D số tiền gốc người vay đã trả = 150.000.000đ; tiền lãi được thu tối đa mà người vay đã trả cho D = 7.835.616đ + 1.479.452đ = 9.315.068đ, tổng số tiền là 159.315.068đ.

Cần truy thu của chị Mai Lan V số tiền lãi được thu tối đa V chưa trả Dương là 575.342đ.

Cần truy thu của chị Nguyễn Thị H số tiền gốc chưa trả cho D 45.000.000đ, số tiền lãi được thu tối đa H1 chưa trả D là 172.603đ, tổng số tiền truy thu của H1 45.172.603đ.

Cần buộc Trần Thùy D phải trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền lãi đã thu vượt quy định là 12.020.548đ.

Đối với số tiền 35.164.384đ lãi thu vượt quy định chị Mai Lan V đã trả cho D, đến nay, chị V yêu cầu bị cáo D phải trả lại nên cần buộc bị cáo D phải trả lại chị V số tiền trên.

Đối với đề nghị khấu trừ vào số tiền chị còn nợ của bị cáo D là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với bà Đào Thị Kim N là mẹ đẻ của D có cầm hộ D giấy vay tiền và căn cước của chị Mai Lan V do bà không biết, không tham gia và được hưởng lợi gì từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của D nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Thùy D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thùy D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Thùy D **01 (Một) năm 06 (Sáu)** tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh Phú Thọ nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Thùy D cho Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thùy D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Trần Thùy D 45.000.000đ (*Bốn mươi năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 30/2025/LCĐKNCT ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Thùy D 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H1 ghi ngày 17/01/2023; 01 giấy vay tiền ghi ngày 10/5/2023. (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Phú Thọ).

Truy thu của Trần Thùy D số tiền 159.315.068đ (Một trăm năm chín triệu ba trăm mười năm nghìn không trăm sáu tám đồng).

Truy thu của chị Mai Lan V số tiền 575.342đ (Năm trăm bảy năm triệu ba trăm bốn hai nghìn đồng).

Truy thu của chị Nguyễn Thị H1 số tiền 45.172.603đ (Bốn mươi năm triệu một trăm bảy hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Buộc Trần Thùy D phải trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 12.020.548đ (Mười hai triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng).

Buộc Trần Thùy D phải trả cho chị Mai Lan V số tiền 35.164.384đ (Ba mươi năm triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thùy D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8;
- CQTHAHS Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 8;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường P;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan